

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HÓA
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/12/2024
“V/v tranh chấp chia tài sản
sau khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quốc Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: Trương Ngọc Nhân
- Ông: Đinh Hồng Sâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phan Quang Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2024/TLST-HNGĐ 01 tháng 4 năm 2024 về việc “Chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 376/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đinh Hồng K, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Tổ dân phố A, TT Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị V, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Đinh Hồng K trình bày: anh và bà V đăng ký kết hôn nhưng đến năm 2016 hai vợ chồng làm thủ tục ly hôn tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 16/2016/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2016. Tại quyết định ly hôn hai vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản không yêu cầu tòa án giải quyết. Đến hiện tại việc phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất có diện tích khoảng 13 mét mặt

tiền và dài 24 mét tại Tổ dân phố A, Thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình, anh K khai anh và anh H có giấy viết tay chuyển nhượng đất, sau khi anh nhận chuyển nhượng anh thuê xe để đổ đất làm nhà, hiện tại có nhà gỗ đang ở trên đất, anh K ở trên thửa đất đó từ năm 2004 đến năm 2012 còn sau đó anh không ở mà đi lại trông nom, hiện tại bà V đang quản lý và ở tại thửa đất này, do đó anh K yêu cầu tòa án giải quyết phân chia tài sản chung là thửa đất nói trên cho anh.

Bị đơn bà Hồ Thị V trình bày: Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đất hiện tại đang tranh chấp là đất của bà nhận chuyển nhượng từ anh H, nhưng do lúc đó bà chưa có hộ khẩu tại huyện M nên bà đồng ý để anh K đứng tên thửa đất tại sổ mục kê, lúc đó bà với anh K đã kết hôn. Anh K kết hôn với bà nhưng đã bỏ bà theo người phụ nữ khác nên khi trở lại và đòi chia đất bà không đồng ý, anh K có viết giấy cam kết để lại toàn bộ tài sản cho bà nên bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh K.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 Tòa án đã thành lập Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất tranh chấp nói trên cụ thể như sau: Diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại Tổ dân phố A, Thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình, trên thửa đất có các tài sản là 01 ngôi nhà xây có diện tích 40,6m² có giá tại thời điểm là 49.380.179 đồng; một ngôi nhà gỗ có diện tích 37,63 m² đã hết khấu hao không còn sử dụng được; 01 cây trà phi 25cm có giá 43.900 đồng; 01 cây vú sữa chưa có quả có giá 5.700 đồng; 04 cây mít (01 cây đã có quả và 03 cây chưa có quả) có giá có giá 750.800 đồng; 01 cây nhãn đã có quả 75.000 đồng; 01 cây bưởi chưa có quả 53.000 đồng; 02 cây xoài (01 cây đã có quả, 01 cây chưa có quả) có giá 1.38.000đồng; 20 cây chuối sắp có buồng có giá 506.000 đồng.

Đối với giá trị thửa đất số 102, tờ bản đồ số 04, đất thuộc khu vực 1, vị trí 1 đường V có giá 2.200.000 đồng/m² đối với đất ở (200m²x2.200.000 đồng =440.000.000 đồng). Đất trồng cây lâu năm có diện tích 28,2m² x20.000 đồng = 564.000 đồng. Tham khảo giá thị trường tại thời điểm thì 01 mét mặt tiền đường V có giá 150.000.000 đồng x12,9m² =1.935.000.000 đồng.

Tổng diện tích đất tranh chấp là 228,2 m² có tứ cận thửa đất tranh chấp như sau:

Phía Đông giáp đường V kéo dài từ điểm 1, 2, 9 dài 12,9 mét.

Phía Tây giáp đất quy hoạch kéo dài từ điểm 5 đến điểm 6 đến điểm 7 đến điểm 8 dài 7,6 mét.

Phía Bắc giáp thửa đất số 103 kéo dài từ điểm 1 đến điểm 8 dài 23,78 mét.

Phía Nam giáp thửa đất số 108 kéo dài từ điểm 4 đến điểm 5 đến điểm 9 dài 23,42 mét.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố

tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 146, 147, 227, 228 BLTTDS; Căn cứ Điều 33,34,43,44 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2014 của UBTWQH.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia đôi tài sản chung của ông Đinh Hồng K và bà Hồ Thị V là quyền sử dụng thửa đất số 102, tờ bản đồ số 4 tại tổ dân phố A, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Giao cho anh K được quyền sử 93m² đất ở. Giá trị thửa đất được giao cho anh K là 204.600.000 đồng.

Giao cho bà V được quyền sử dụng 107m² đất ở và 28,2 m² đất trồng cây lâu năm. Giá trị thửa đất được giao cho bà V là 235.400.000 đồng.

Trên thửa đất tranh chấp có một số tài sản là hai ngôi nhà và các cây ăn trái nhưng anh K không yêu cầu giải quyết, nhận thấy cần tam giao các tài sản cho hai bên quản lý và dễ dàng trong việc thi hành. Giao cho bà V các tài sản sau: 01 ngôi nhà xây có diện tích 40,6m²; 01 cây bưởi chưa có quả; 02 cây xoài (01 cây đã có quả, 01 cây chưa có quả); 20 cây chuối sắp có buồng có giá.

Giao cho anh K các tài sản sau: Một ngôi nhà gỗ có diện tích 37,63 m² đã hết khấu hao không còn sử dụng được; 01 cây tràm phi 25cm; 01 cây vú sữa chưa có quả; 04 cây mít (01 cây đã có quả và 03 cây chưa có quả); 01 cây nhãn.

Bà V có công chăm sóc, tôn tạo thửa đất nên không phải trả lại tiền chênh lệch về giá trị tài sản cho ông K.

Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Hồ Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đinh Hồng K, bà Hồ Thị V phải chịu án phí phân chia tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đinh Hồng K khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn với bà Hồ Thị V, bà V có địa chỉ tại tổ dân phố A, thị trấn Q, huyện M nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

[2] Về nội dung vụ án:

Anh K cho rằng thửa đất số 102, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Tổ dân phố A, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình là tài sản chung của hai vợ chồng, anh K khai khi anh kết hôn với bà V kết hôn từ năm 2002 và chung sống với nhau đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn nên hai vợ chồng sống ly thân với nhau, trong thời gian chung sống với nhau anh K nhận chuyển nhượng thửa đất của anh H, nhưng bà V đã cất giữ, còn giấy chuyển nhượng đất của anh H cho bà V mới làm sau này mới viết, việc bà V không xuất trình giấy chuyển nhượng gốc cho anh K, nhưng bản thân bà V cũng đã thừa nhận giao cho anh K1 đứng tên trong sổ mục kê và hiện nay trong sổ mục kê vẫn đứng tên anh K. Việc bà V cho rằng thửa đất là tài sản riêng của bà là không có căn cứ.

Bà V cho rằng đây là tài sản riêng vì tài sản này do bà nhận chuyển nhượng từ anh H làm thuê, bà V cung cấp giấy chuyển nhượng giữa ông H và bà và cung cấp giấy xác nhận quyền sử dụng đất của UBND thị trấn Q. Việc chuyển nhượng giữa anh H và bà V là có thực tế. Hiện nay ông K yêu cầu chia tài sản là thửa đất thửa đất số 102, tờ bản đồ số 04 bà không chấp nhận.

Hội đồng xét xử nhận thấy khi nhận chuyển nhượng thửa đất bà với anh K đang là vợ chồng, giữa bà và anh K đã thoả thuận giao anh K2 đứng tên trong sổ mục kê từ năm 2011 cho đến nay, khi đang sinh sống với nhau hai người có làm nhà, cải tạo đất và sinh hoạt tại thửa đất, điều đó cho thấy bà V đã thoả thuận nhập tài sản riêng của bà vào tài sản chung của hai vợ chồng. Sau khi phát sinh tranh chấp, mâu thuẫn vợ chồng nên ly hôn tài sản vợ chồng tự thoả thuận nhưng thời gian kéo dài hai vợ chồng không thoả thuận được tài sản chung nên anh K yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là thửa đất số 102, tờ bản đồ số 04 là có căn cứ được chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

“1. Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thoả thuận là tài sản chung. Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng”.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy thửa đất số 102, tờ bản đồ số 04 đứng tên anh K nhưng anh K thừa nhận là tài sản chung của hai vợ chồng, từ khi vào sổ mục kê tại UBND thị trấn Q anh K là người quản lý cùng với bà V, nhưng sau khi ly hôn bà V vẫn sinh sống trên thửa đất và cải tạo thửa đất cho tới nay nên Hội đồng xét xử thừa nhận thửa đất số 102, tờ bản đồ số 04 là tài sản chung hợp nhất của hai vợ chồng và yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn của anh K là có căn cứ nên chấp nhận. Hội đồng xét xử phân chia thửa đất là tài sản sản như sau:

Giao cho anh K được quyền sử dụng phần đất có tứ cạnh như sau: Cạnh phía Đông giáp đường V từ điểm 2 đến điểm 9 dài 6,01 mét; cạnh phía Tây giáp đất giao cho bà V từ điểm 3 đến điểm 4 dài 4 mét; Cạnh phía Bắc giáp đất được chia cho bà V từ điểm 2 đến điểm 3 dài 18,83 mét; Cạnh phía Phía Nam giáp thửa đất số 108 kéo dài từ điểm 4 đến điểm 9 dài 18,98 mét. Tổng diện tích được giao cho anh K là 93m² đất ở. Giá trị thửa đất giao cho anh K là 204.600.000 đồng.

Giao cho bà V được quyền sử dụng phần đất có tứ cận như sau: Cạnh phía Đông giáp đường V từ điểm 1 đến điểm 2 dài 6,8 mét; Phía Tây giáp đất quy hoạch kéo dài từ điểm 5 đến điểm 6 đến điểm 7 đến điểm 8 dài 7,6 mét; Cạnh phía Bắc giáp thửa đất 103 từ điểm 1 đến điểm 8 dài 23,78 mét; Cạnh phía Phía Nam giáp thửa đất số 108 và thửa đất được chia cho anh K kéo dài từ điểm 2 đến điểm 3 đến điểm 4 đến điểm 5 dài 27,27 mét. Tổng diện tích được giao cho bà V là 107m² đất ở và 28,2m² đất trồng cây lâu năm. Giá trị thửa đất được giao cho bà V là 235.964.000 đồng.

Trên thửa đất tranh chấp có một số tài sản là hai ngôi nhà và các cây ăn trái nhưng anh K không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử nhận thấy cần tạm giao các tài sản cho hai bên quản lý và dễ dàng trong việc thi hành.

Hội đồng xét xử tạm giao cho bà V các tài sản sau: 01 ngôi nhà xây có diện tích 40,6m²; 01 cây bưởi chưa có quả; 02 cây xoài (01 cây đã có quả, 01 cây chưa có quả); 20 cây chuối sắp có buồng có giá.

Giao cho anh K các tài sản sau: Một ngôi nhà gỗ có diện tích 37,63 m² đã hết khấu hao không còn sử dụng được; 01 cây trầm phi 25cm; 01 cây vú sữa chưa có quả; 04 cây mít (01 cây đã có quả và 03 cây chưa có quả); 01 cây nhãn.

Sau khi phân chia tài sản chung bà V được nhận giá trị tài sản nhiều hơn anh K số tiền là 31.364.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy từ năm 2012 anh K bỏ nhà đi không ở trên thửa đất tranh chấp cho đến nay, hiện tại bà V đang quản lý và cải tạo thửa đất từ khi anh K bỏ nhà đi nên bà V được hưởng giá trị chia tài sản chung nhiều hơn anh K do vậy bà V không phải trả lại cho anh K số tiền chênh lệch về phân chia tài sản chung cho anh K là hợp lý.

[3] Về án phí:

[3.1] Do yêu cầu khởi kiện của ông K được chấp nhận nên anh K không phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[3.2] Bà Hồ Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng và 11.798.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung.

Anh K phải chịu 10.230.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung. Anh K đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nay khấu trừ.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 33, 34, 43, 44 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Hồng K đối với bà Hồ Thị V về yêu cầu chia tài sản sau ly hôn.

2. Xác định thửa đất 102, tờ bản đồ số 4, diện tích 228,2m²; đất tọa lạc tại Tổ dân phố A, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình đứng tên tại sổ mục kê thị trấn Q là ông Đinh Hồng K là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Đinh Hồng K và bà Hồ Thị Vĩnh .

Giao cho anh K được quyền sử dụng phần đất có tứ cạnh như sau: Cạnh phía Đông giáp đường V từ điểm 2 đến điểm 9 dài 6,01 mét; cạnh phía Tây giáp đất giao cho bà V từ điểm 3 đến điểm 4 dài 4 mét; Cạnh phía Bắc giáp đất được chia cho bà V từ điểm 2 đến điểm 3 dài 18,83 mét; Cạnh phía Phía Nam giáp thửa đất số 108 kéo dài từ điểm 4 đến điểm 9 dài 18,98 mét. Tổng diện tích được giao cho anh K là 93m² đất ở. Giá trị thửa đất được giao cho anh K là 204.600.000đ (hai trăm lẻ tư triệu sáu trăm ngàn đồng).

Giao cho bà V được quyền sử dụng phần đất có tứ cận như sau: Cạnh phía Đông giáp đường V từ điểm 1 đến điểm 2 dài 6,8 mét; Phía Tây giáp đất quy hoạch kéo dài từ điểm 5 đến điểm 6 đến điểm 7 đến điểm 8 dài 7,6 mét; Cạnh phía Bắc giáp thửa đất 103 từ điểm 1 đến điểm 8 dài 23,78 mét; Cạnh phía Phía Nam giáp thửa đất số 108 và thửa đất được chia cho anh K kéo dài từ điểm 2 đến điểm 3 đến điểm 4 đến điểm 5 dài 27,27 mét. Tổng diện tích được giao cho bà V là 107m² đất ở và 28,2m² đất trồng cây lâu năm. Giá trị thửa đất được giao cho bà V là 235.964.000 đ (hai trăm ba mươi lăm triệu chín trăm sau mươi tư ngàn đồng).

(Có sơ đồ và tọa độ kèm theo, sơ đồ là một bộ phần không tách rời bản án)

3. Tạm giao cho anh K các tài sản trên đất như sau: Giao cho anh K các tài sản sau: một ngôi nhà gỗ có diện tích 37,63 m² đã hết khấu hao không còn sử dụng được; 01 cây tràm phi 25cm; 01 cây vú sữa chưa có quả; 04 cây mít (01 cây đã có quả và 03 cây chưa có quả); 01 cây nhãn đã có quả.

Tạm giao cho bà V các tài sản trên thửa đất như sau: 01 ngôi nhà xây có diện tích 40,6m²; 01 cây bưởi chưa có quả; 02 cây xoài (01 cây đã có quả, 01 cây chưa có quả); 20 cây chuối sắp có buồng.

4. Về án phí:

Về án phí: Bà Hồ Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) và 11.798.200đ (mười một triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn hai trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung.

Anh K phải chịu 10.230.000 đ (mười triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung. ông Đinh Hồng K đã nộp 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000551 ngày 27/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình nay được khấu trừ, anh K còn tiếp tục nộp tiền án phí là 9.930.000 đ (chín triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/12/2024). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản tại trụ sở UBND xã nơi cư trú để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Quốc Hoàn